

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

(Kèm theo Công văn số 819/ĐHL-ĐT&CTHSSV ngày 29/5/2025 của Trường Đại học Luật)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: QHL

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính: Tòa E1, 144, đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://law.vnu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.7549714

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): Trường Đại học Luật, ĐHQGHN không tổ chức thi.

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):

<https://law.vnu.edu.vn>

<https://law.vnu.edu.vn/article-Bao-cao-thuong-nien-nam-2025-40031-3580.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NĂM 2025

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

Đối tượng dự tuyển ở trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

2. Mô tả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 (xét tuyển)

Năm 2025, Trường Đại học Luật sử dụng các phương thức xét tuyển như sau:

Phương thức	Mã phương thức	Tên phương thức (xét tuyển)
Phương thức 1	100	- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT) để xét tuyển
Phương thức 2	301	Xét tuyển thẳng/ Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)
Phương thức 3	401	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức
Phương thức 4	500	- Ưu tiên xét tuyển theo quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật; - Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học

2.1. Phương thức 1 (Mã 100): Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025; Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển

2.1.1. Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Áp dụng cho các thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Nhà Trường sử dụng 06 tổ hợp xét tuyển và không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển, các môn trong tổ hợp là hệ số 1.

Đối với các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT và/ hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật năm 2025, phải dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 để có cơ sở xét tuyển, thí sinh lựa chọn môn thi phù hợp với các tổ hợp xét tuyển của Nhà Trường.

2.1.2. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển

Đối với các tổ hợp có môn tiếng Anh, thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL) quy đổi (theo Phụ lục III) thay cho môn Tiếng Anh kết hợp với điểm của 2 môn còn lại trong tổ hợp để xét tuyển.

2.2. Phương thức 2 (Mã 301): Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển áp dụng đối với các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT

2.2.1. Xét tuyển thẳng

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào ngành/ chương trình đào tạo của Trường theo nguyện vọng của thí sinh;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế một trong các môn thi Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi Khoa học, kỹ thuật (nhóm Khoa học xã hội và hành vi) cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia.

Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

2.2.2. Ưu tiên xét tuyển:

Đối với các thí sinh quy định tại Mục 2.2.1 dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng), Nhà Trường sẽ xem xét cộng điểm không quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang điểm 30), cụ thể như sau:

- Giải nhất trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;

- Giải nhì trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;

- Giải ba trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **2.0** điểm;

- Giải khuyến khích trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế; Giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **1.5** điểm.

Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.3. Phương thức 3 (Mã 401): Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức

Xét tuyển thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (không phân biệt tổ hợp xét tuyển). Ngưỡng điểm xét tuyển thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ GDĐT.

Thời gian dự thi không quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.4. Phương thức 4 (Mã 500): Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật; Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

2.4.1. Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật

2.4.1.1. Học sinh THPT trên toàn quốc được **ưu tiên xét tuyển** (bằng phương án cộng điểm vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT) vào các chương trình/ ngành đào tạo

bậc đại học tại Trường Đại học Luật nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (*học lực xếp loại giỏi trở lên*) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

** Môn thi đoạt giải bao gồm: Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh.*

** Nội dung đề tài dự thi đoạt giải thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi.*

Phương án cộng điểm đối với các thí sinh thuộc đối tượng này như sau:

- Giải nhất (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.5** điểm;

- Giải nhì (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.0** điểm;

- Giải ba (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.5** điểm;

2.4.1.2. Thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi SAT (tối thiểu từ 1200/1600 điểm) mức cộng điểm như sau:

- Đạt từ 1200 đến dưới 1300: được cộng **0.5** điểm;
- Đạt từ 1300 đến dưới 1400: được cộng **1.0** điểm;
- Đạt từ 1400 đến dưới 1500: được cộng **1.5** điểm;
- Đạt từ 1500 đến 1600: được cộng **2.0** điểm.

2.4.1.3. Học sinh THPT thuộc ĐHQGHN đã tham gia Chương trình VNU 12+ theo Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 16/05/2024 của Giám đốc ĐHQGHN, có kết quả học tập THPT (trung bình 3 năm) đạt từ 9.0, có điểm môn học Tiếng Anh bậc THPT đạt từ 7.0/10 hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ (IELTS từ 5.5/ TOEFL iBT từ 72 điểm) đã tích lũy đủ 03 học phần trong CTĐT của 1 trong 4 ngành/CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Luật để tính GPA được cộng điểm vào kết điểm thi tốt nghiệp THPT, mức điểm cộng như sau:

- GPA đạt loại xuất sắc: cộng **2.5** điểm;
- GPA đạt loại giỏi: cộng **2.0** điểm;
- GPA đạt loại khá: cộng **1.5** điểm.

2.4.1.4. Thí sinh đạt tiêu chí quy định tại mục 2.4.1.1 thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Đối với thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Mục 2.4.1.2 thời gian dự thi chứng chỉ không

quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Đối với thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Mục 2.4.1.3 được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT.

2.4.2. Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

Xét tuyển theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GDĐT ban hành ngày 31/12/2021.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy đổi ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN, Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT và ĐHQGHN.

4. Ngành/ Chương trình và Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy:

- Năm 2025, Trường Đại học Luật tuyển sinh 04 ngành/ chương trình đào tạo.

- Tổng chỉ tiêu cho 04 ngành/ chương trình đào tạo: **1.100**

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ chương trình đào tạo như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1		Luật					
1.1		Luật	7380101	Luật	500		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/ UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Thông tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	
1.2		Luật chất lượng cao (theo tiêu chí của ĐHQGHN)	7380101CLC	Luật CLC	60		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	Điều kiện ngoại ngữ (Xem quy định cụ thể tại mục 5.4)
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/ U'TXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
2		Luật Kinh doanh	7380110		380		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	301					Xét tuyển thẳng/ UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	
3		Luật Thương mại quốc tế	7380109		160		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển. - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Luật

5.1. Địa chỉ đào tạo năm nhất: học tại Khu Đô thị Hòa Lạc; Từ năm thứ 2 đến khi tốt nghiệp học tại: Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

5.2. Điểm cộng:

- Đối tượng được cộng điểm, mức điểm cộng: Được quy định tại Mục 2.2 và 2.4 của văn bản này;

- Nguyên tắc cộng điểm: Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa thang điểm xét (tối đa 03 điểm đối với thang điểm 30).

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với các mã tuyển sinh theo ngành:

Năm 2025 (Khóa QH- 2025/ K70) Trường Đại học Luật tuyển sinh ngay từ đầu đối với 03 mã ngành, 04 chương trình đào tạo (Mục 4), trong đó có 01 chương đào tạo Luật chất lượng cao theo tiêu chí của ĐHQGHN. Việc lựa chọn các ngành/ chương trình đào tạo và các tổ hợp xét tuyển dựa trên các căn cứ sau:

- Việc tổ chức thực hiện tuyển sinh bảo đảm nguyên tắc tối ưu hóa quyền lợi và mở rộng cơ hội lựa chọn cho các thí sinh;

- Sử dụng các phương thức xét tuyển cho tất cả các ngành/ chương trình đào tạo;

- Nhà Trường sử dụng 06 tổ hợp xét tuyển cho tất cả các ngành/ chương trình đào tạo. Việc lựa chọn các tổ hợp xét tuyển được nhà Trường xem xét, cân nhắc để tạo cơ hội cho thí sinh ở những vùng miền khác nhau, cũng như tạo điều kiện cho thí sinh lựa chọn môn thi tốt nghiệp, môn đăng ký xét tuyển vào đại học phù hợp.

- Các ngành/ chương trình đào tạo nhận được sự quan tâm của thí sinh và phụ huynh trong nhiều năm gần đây.

5.4. Những thông tin khác:

a) Nguyên tắc xét tuyển

- Nhà Trường xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng (NV) đã đăng ký (NV1 là NV ưu tiên cao nhất). Thí sinh được đăng ký không giới hạn NV theo ngành tuyển sinh và chỉ trúng tuyển 01 (một) NV có ưu tiên cao hơn và sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Nhà Trường xét tuyển theo mã ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng ngành, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh (trừ các thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường sẽ sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự NV, để xét chọn thí sinh có thứ tự NV cao hơn).

- Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Ở phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT, đối với tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ, Trường Đại học Luật chỉ sử dụng kết quả điểm thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT; Không sử dụng điểm thi được bảo

lưu từ kỳ thi THPT những năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên cho thí sinh có chứng chỉ nghề.

- Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy được điều chuyển linh hoạt giữa các ngành, bảo đảm tổng chỉ tiêu không vượt chỉ tiêu đã công bố.

b) Yêu cầu bổ sung đối với phương thức xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

Đối với phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển (IELTS và TOEFL iBT), thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS tối thiểu 5.5, TOEFL iBT tối thiểu 72 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương.

+ Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng và điểm tối thiểu từng kỹ năng là 5 điểm (theo thang điểm 10), (quy đổi tương đương: IELTS mỗi kỹ năng tối thiểu đạt 4.5 và TOEFL iBT tối thiểu từng kỹ năng đạt 15). Không sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ thi Online – Home edition.

+ *Nguyên tắc xét tuyển:* Quy đổi điểm ngoại ngữ theo quy định của ĐHQGHN (*Xem Phụ lục III*) cộng với điểm hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển, làm điều kiện xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

c) Yêu cầu bổ sung đối với chương trình đào tạo Luật CLC (theo tiêu chí của ĐHQGHN):

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo Luật CLC phải đáp ứng một trong các yêu cầu dưới đây về ngoại ngữ (Tiếng Anh):

+ Kết quả môn Ngoại ngữ của kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt tối thiểu 5.0 điểm (theo thang điểm 10);

+ Điểm trung bình chung môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) 6 học kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm;

+ Có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh (IELTS, TOEFL) đáp ứng điều kiện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

d) Trách nhiệm của thí sinh

- Thí sinh ĐKNV xét tuyển vào Trường Đại học Luật, cần tìm hiểu kỹ Thông tin tuyển sinh của Trường và thực hiện các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình, thời gian nộp hồ sơ ĐKXT. Thí sinh không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, CTĐT hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện.

- Thí sinh ĐKXT theo các Phương thức khác (không bao gồm Phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT) phải đọc kỹ và thực hiện đúng theo Phụ lục IV (kèm theo văn bản này).

- Khai báo đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, đặc biệt thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Trường sẽ tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ (đặc biệt là giấy tờ để được hưởng chế độ ưu tiên của thí sinh) và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và cổng thông tin xét tuyển của Trường. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT, Trường Đại học Luật thông báo Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh cụ thể trên website: <http://law.vnu.edu.vn>.

6.2. Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ:

Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, sơ tuyển điều kiện UTXT theo các Phương thức (không bao gồm Phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT): thí sinh xem và thực hiện theo Phụ lục IV của văn bản này.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Nhà Trường áp dụng chính sách ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

7.1. Ưu tiên theo khu vực (Phụ lục I của văn bản này)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2 – NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (Phụ lục II của văn bản này)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng từ 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

7.3. Mức điểm ưu tiên: Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); Trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Công thức: Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công

thức như sau: $Điểm\ ưu\ tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được)/7,5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ quy\ định\ tại\ Mục\ 7.1\ và\ 7.2.$

7.5. Lưu ý: Thông tin về ưu tiên theo khu vực, đối tượng; hồ sơ và quy trình khai báo, xác nhận thông tin để được hưởng ưu tiên theo khu vực, đối tượng, thí sinh có thể xem tại Phụ lục V.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GDĐT và các quy định hiện hành của nhà nước.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh: Nhà Trường cam kết thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định; Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh (nếu có).

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí: dự kiến mức học phí đối với khóa tuyển sinh ĐHCQ năm 2025:

STT	NỘI DUNG	MỨC HỌC PHÍ 01 THÁNG	MỨC HỌC PHÍ 01 NĂM	MỨC HỌC PHÍ 01TC	TỔNG HỌC PHÍ TOÀN KHÓA	GHI CHÚ
I	NGÀNH LUẬT HỌC					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,703,000	27,030,000	761,000	127,753,300	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,043,000	30,430,000	857,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,347,300	33,473,000	943,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,037,000		
II	NGÀNH LUẬT TMQT					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,703,000	27,030,000	789,000	127,753,300	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,043,000	30,430,000	888,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,347,300	33,473,000	977,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,075,000		
III	NGÀNH LUẬT KINH DOANH					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,862,000	28,620,000	806,000	135,268,200	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,222,000	32,220,000	908,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,544,200	35,442,000	998,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,898,620	38,986,200	1,098,000		
IV	NGÀNH LUẬT CHẤT LƯỢNG CAO					

STT	NỘI DUNG	MỨC HỌC PHÍ 01 THÁNG	MỨC HỌC PHÍ 01 NĂM	MỨC HỌC PHÍ 01TC	TỔNG HỌC PHÍ TOÀN KHÓA	GHI CHÚ
1	NĂM HỌC 2025-2026	3,180,000	31,800,000	810,000	150,298,000	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,580,000	35,800,000	912,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,938,000	39,380,000	1,003,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	4,331,800	43,318,000	1,104,000		

10. 2. Tuyển sinh chương trình đào tạo thứ 2 (văn bằng Kép)

1. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đang học tại các đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội theo hình thức đào tạo chính quy.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: **200**.

3. Điều kiện, nguyên tắc xét tuyển: tại thời điểm đăng ký xét tuyển, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã học ít nhất hai học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất;
- Điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,5 trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,0 trở lên và đáp ứng các điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

10.3. Tuyển sinh chương trình vừa làm vừa học (VLVH)

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: **350**

Thí sinh xem thông tin cụ thể trên website của Trường.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất (xem Phụ lục VII).

12. Thông tin liên hệ và tư vấn tuyển sinh

- Tên đơn vị: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Địa chỉ: Phòng 307B, Nhà E1, số 144, Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: **02437.549.714** (liên hệ trong giờ hành chính);
- Website: <http://law.vnu.edu.vn>;
- Email: tuvantuyensinhTruongluat@gmail.com;
- Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhTruongluat.vnu>.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
1	TS. Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	0243. 7549714
2	ThS. Đỗ Thị Bích Nguyệt	P. Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	
3	TS. Cấn Thị Thanh Hương	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	
4	ThS. Bùi Thị Chinh Phương		
5	ThS. Văn Xuân Quỳnh Trang		

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- BP. Truyền thông (đưa lên website);
- Lưu: VT, ĐT&CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trịnh Tiến Việt

HƯỚNG DẪN
XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN, XÉT TUYỂN THEO
PHƯƠNG THỨC KHÁC VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
NĂM 2025

Năm 2025, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) sử dụng **04** phương thức tuyển sinh vào đại học chính quy với tổng **1.100** chỉ tiêu cho 04 ngành đào tạo (*Luật, Luật Chất lượng cao, Luật Kinh doanh và Luật Thương mại Quốc tế*). Văn bản này Hướng dẫn chi tiết cho thí sinh về **04** phương thức tuyển sinh (*không bao gồm phương thức xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT*).

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN, NGUYÊN TẮC CHUNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, LỆ PHÍ VÀ HỒ SƠ

1. Phương thức xét tuyển

Phương thức	Mã phương thức	Tên phương thức (xét tuyển)
Phương thức 1	100	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (<i>IELTS, TOEFL iBT</i>) để xét tuyển
Phương thức 2	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (<i>Điều 8</i>)
Phương thức 3	401	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực (<i>ĐGNL</i>) do ĐHQGHN tổ chức
Phương thức 4	500	- Ưu tiên xét tuyển theo quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật; - Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học

2. Nguyên tắc chung

- Chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ theo ngành, không phân bổ theo phương thức xét tuyển; Không giới hạn nguyện vọng đăng ký Xét tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển theo các phương thức khác (*nếu thí sinh đáp ứng các điều kiện của từng phương thức*);

- Quy định về Lịch trình, địa chỉ, thời gian nộp hồ sơ xét tuyển, sơ tuyển và nguyên tắc xét tuyển đối với từng đối tượng của từng phương thức được quy định cụ thể tại Mục II của văn bản này;

- Tất cả thí sinh (*bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng*) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (*ĐKXT*) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (*NVXT*) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT (*sau đây gọi tắt là Hệ thống*) trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Thí sinh cần tìm hiểu kỹ Quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN, Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật, Hướng dẫn xét tuyển thẳng, U'TXT, thông tin về điều kiện ĐKXT, về hồ sơ, quy trình, thời gian đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ của Trường Đại học Luật, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo không đủ điều kiện. Thí sinh nộp hồ sơ và các minh chứng trực tuyến theo hướng dẫn của Nhà Trường, nhưng vẫn phải đăng ký trên Hệ thống để được xét tuyển chung với tất cả thí sinh khác;

- Khai báo, cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác, thống nhất của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển vào Trường (*đối với tất cả các phương thức mà thí sinh ĐKXT*); Trường Đại học Luật sẽ sử dụng thông tin thí sinh đã khai báo trên Hệ thống của Bộ GDĐT để làm căn cứ, đối sánh trong công tác xét tuyển;

- Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT vào Trường đăng ký theo ngành và được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*nguyên vọng 1 là nguyện vọng cao nhất*), đồng thời thí sinh phải cung cấp các dữ liệu (*theo tiêu chí, điều kiện từng phương thức được quy định tại Thông tin tuyển sinh và văn bản này*) tương ứng với ngành mà thí sinh đã ĐKXT để Trường sử dụng xét tuyển.

3. Địa chỉ/ hình thức nộp hồ sơ

3.1. Đối với các phương thức (không bao gồm phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT):

- Hình thức ĐKXT: Trực tuyến (*thí sinh nộp hồ sơ qua phần mềm*).
 - + Thí sinh chuẩn bị bộ hồ sơ đầy đủ (*theo phương thức thí sinh đã lựa chọn và theo hướng dẫn về hồ sơ dưới đây*);
 - + Thí sinh ĐKXT trực tuyến trên phần mềm xét tuyển của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tuyensinh.law.vnu.edu.vn/login>
 - + Thí sinh lưu lại hình ảnh nộp hồ sơ hoàn thành (*bao gồm minh chứng nộp lệ phí*).

*** Thí sinh đọc kỹ các quy định về Hồ sơ ĐKXT của từng Phương thức xét tuyển và nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Nhà Trường sẽ không xét tuyển đối với các thí sinh nộp hồ sơ thiếu.**

3.2. Đối với thí sinh dự bị đại học: Thí sinh thực hiện theo hướng dẫn của trường dự bị đại học, đáp ứng các quy định và điều kiện xét tuyển theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GDĐT ban hành ngày 31/12/2021 (*Điều 10*):

- Điều kiện nhận hồ sơ (*xem Tiểu mục 2.4.2. Mục II*);
- Hồ sơ của thí sinh do các trường dự bị đại học bàn giao trực tiếp cho Trường Đại học Luật, thời gian: trước 17h00 ngày 27/6/2025;

4. Thời gian nhận hồ sơ và công bố kết quả

4.1. Thời gian nhận hồ sơ:

- Đối với Phương thức 2: Thí sinh nộp hồ sơ từ ngày 05/6/2025 đến hết ngày 23/6/2025;
- Đối với các Phương thức còn lại: Thí sinh nộp hồ sơ từ ngày 05/6/2025 đến hết ngày 27/6/2025;

- Thí sinh là người nước ngoài: thực hiện ĐKXT trực tiếp tại Trường Đại học Luật.

4.2. Công bố kết quả:

- Thí sinh xem kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (*Phương thức 2*) tại website: <http://law.vnu.edu.vn> và tra cứu tại phần mềm xét tuyển trực tuyến. Thời gian công bố kết quả: Ngày 15/7/2025.

- Kết quả xét duyệt hồ sơ đối với các phương thức còn lại: Nhà trường sẽ phản hồi chậm nhất 10 ngày sau khi thí sinh hoàn thành nộp hồ sơ trực tuyến.

5. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển (*Phương thức 2*): 25.000 đồng/nguyện vọng.

- Lệ phí xét duyệt hồ sơ đối với các phương thức còn lại: 30.000 đồng/hồ sơ.

- Thí sinh chuyển khoản qua tài khoản: 2600787760 tại BIDV chi nhánh Mỹ Đình, cú pháp: XTT2025_HỌ VÀ TÊN_DIỆN XTT_SỐ NGUYỄN VỌNG/HỒ SƠ.

II. CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Nguyên tắc xét tuyển

a) Áp dụng quy định về điểm ưu tiên (*ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng*) cho tất cả các phương thức xét tuyển, bảo đảm thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN;

b) Thực hiện Xét tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT;

c) Thực hiện Ưu tiên xét tuyển (*cộng điểm vào điểm thi tốt nghiệp THPT*) đối với các thí sinh đáp ứng điều kiện về hồ sơ xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật;

d) Thực hiện quy đổi điểm tương đương đối với Phương thức 3 (*xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL - HSA*) do ĐHQGHN tổ chức đúng quy định của Bộ GDĐT và ĐHQGHN;

e) Đối với thí sinh có nguyện vọng ĐKXT vào ngành **Luật Chất lượng cao** phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đáp ứng ngưỡng đầu vào của Chương trình đào tạo chất lượng cao;

+ Đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây về ngoại ngữ (*Tiếng Anh*): Kết quả môn Ngoại ngữ của kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt tối thiểu 5.0 điểm (*theo thang điểm 10*) hoặc điểm trung bình chung môn Ngoại ngữ (*Tiếng Anh*) 6 học kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh (*IELTS, TOEFL*) đáp ứng điều kiện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Nếu thí sinh có nguyện vọng ĐKXT vào ngành Luật Chất lượng cao, ngoài hồ sơ quy định tại từng Phương thức dưới đây, thí sinh nộp thêm: Học bạ THPT hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh (*IELTS, TOEFL*) trong mục Thông tin phục vụ xét tuyển ngành Luật chất lượng cao trên phần mềm xét tuyển trực tuyến.

2. Các phương thức xét tuyển

2.1. Phương thức 1 (Mã 100): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế (IELTS/ TOEFL iBT) để xét tuyển

2.1.1. Đối tượng

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS tối thiểu 5.5 hoặc TOEFL iBT tối thiểu 72 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (*quy định tại Phụ lục III*).

- Bài thi ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng và điểm tối thiểu từng kỹ năng là 5 điểm (*theo thang điểm 10*), như vậy, IELTS mỗi kỹ năng tối thiểu đạt 4.5 và TOEFL iBT tối thiểu từng kỹ năng đạt 15. Không sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ thi Online – Home edition.

** Thời gian dự thi chứng chỉ không quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.*

2.1.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển ([2025-PT1](#));
- 01 ảnh chân dung cỡ 4x6 (*chụp trong khoảng 06 tháng trước khi nộp hồ sơ*);
- Căn cước công dân (*đủ 2 mặt*);
- Chứng chỉ IELTS hoặc TOEFL iBT;

2.1.3. Nguyên tắc xét tuyển

Nhà Trường quy đổi điểm chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định của ĐHQGHN kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển: mức quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thực hiện theo Phụ lục III.

2.2. Phương thức 2 (Mã 301): Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định của Quy chế Tuyển sinh (Điều 8) của Bộ GDĐT.

2.2.1. Xét tuyển thẳng

2.2.1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào ngành/ chương trình đào tạo của Trường theo nguyện vọng của thí sinh.

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế một trong các môn thi Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia;

c) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật (*nhóm Khoa học xã hội và hành vi*) cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia;

2.2.1.2. Điều kiện, nguyên tắc xét tuyển thẳng:

- Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- Xét tuyển theo thứ tự thành tích từ cao xuống thấp cho đến hết nguồn tuyển và theo thứ tự ưu tiên như sau: 1) Thành tích trong các cuộc thi quốc tế; 2) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; 3) Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật (KHKT) quốc gia;
- Thí sinh ĐKXT vào ngành Luật Chất lượng cao phải đảm bảo điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại Điểm e, Tiểu mục 1, Mục II ở trên.
- Thí sinh ĐKXT theo ngành đào tạo.

2.2.1.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

- Phiếu đăng ký xét tuyển ([2025-PT2](#));
- 01 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp trong khoảng 06 tháng trước khi nộp hồ sơ);
- Căn cước công dân (đủ 2 mặt);
- Một trong các minh chứng dưới đây:
 - + Giấy chứng nhận các danh hiệu (điểm a);
 - + Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế (điểm b);
 - + Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi KHKT quốc gia, quốc tế (điểm c);

2.2.2. Ưu tiên xét tuyển

2.2.2.1. Đối tượng UTXT

Thí sinh quy định tại Tiêu mục 2.2.1 dự tuyển vào ngành đào tạo của Trường Đại học Luật theo nguyện vọng (*không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng*) thì phải đăng ký dự thi THPT theo quy định, phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành/ chương trình đào tạo năm tuyển sinh 2025 và phải nộp hồ sơ đăng ký UTXT vào Trường Đại học Luật, Nhà Trường sẽ xem xét cộng điểm, cụ thể:

a) Giải nhất trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;

b) Giải nhì trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;

c) Giải ba trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.0** điểm;

** Thí sinh thuộc Tiêu mục 2.2.2 không cần đáp ứng quy định về môn thi tại Điểm b, Tiêu mục 2.2.1;*

** Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.*

2.2.2.2. Hồ sơ UTXT

- Phiếu đăng ký xét tuyển ([2025-PT4](#));
- 01 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp trong khoảng 06 tháng trước khi nộp hồ sơ);
- Căn cước công dân (đủ 2 mặt);
- Giấy chứng nhận đoạt một trong các giải quy định tại điểm a, b, c Tiêu mục 2.2.2.1 ở trên.

2.3. Phương thức 3 (Mã 401): Kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức

2.3.1. Đối tượng

Xét tuyển đối với thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức.

Việc quy đổi điểm thi ĐGNL Trường Đại học Luật sẽ thực hiện trên cơ sở công thức quy đổi của ĐHQGHN và được công bố sau khi Bộ GDĐT công bố kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

2.3.2. Nguyên tắc xét tuyển

Xét tuyển theo tổng điểm bài thi ĐGNL (*không phân biệt tổ hợp*);

2.3.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển ([2025-PT3](#));

- 01 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp trong khoảng 06 tháng trước khi nộp hồ sơ);
- Căn cước công dân (đủ 2 mặt);
- Chứng chỉ thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức còn hạn sử dụng tính đến ngày thí sinh ĐKXT (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi);

2.4. Phương thức 4 (Mã 500): UTXT theo quy định của ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật; Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học

2.4.1. Đối tượng UTXT theo quy định của ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật

Học sinh THPT trên toàn quốc được UTXT (được cộng điểm vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT) vào các ngành đào tạo bậc đại học tại Trường Đại học Luật, nếu đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây:

2.4.1.1. Học sinh THPT trên toàn quốc có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

* Môn thi đoạt giải bao gồm: Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh.

* Nội dung đề tài dự thi đoạt giải thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi.

* Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.4.1.2. Học sinh THPT thuộc ĐHQGHN đã tham gia Chương trình VNU 12+ theo Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 16/05/2024 của Giám đốc ĐHQGHN, có kết quả học tập THPT (trung bình 3 năm) đạt từ 9.0, có điểm môn học Tiếng Anh bậc THPT đạt từ 7.0/10 hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ (IELTS từ 5.5/ TOEF iBT từ 72 điểm) đã tích lũy đủ 03 học phần trong CTĐT của 1 trong 4 ngành/ CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Luật.

* Thí sinh được xem xét ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT.

2.4.1.3. Thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi SAT (tối thiểu từ 1200/1600 điểm).

* Thời gian thi chứng chỉ không quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.4.1.4. Mức cộng điểm:

- a) Mức cộng điểm đối với thí sinh thuộc Tiêu mục 2.4.1.1 như sau:
 - Giải nhất (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng 2.5 điểm;
 - Giải nhì (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng 2.0 điểm;
 - Giải ba (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng 1.5 điểm;
- b) Mức cộng điểm đối với thí sinh thuộc Tiêu mục 2.4.1.2, như sau:
 - GPA đạt loại xuất sắc: cộng 2.5 điểm;

- GPA đạt loại giỏi: cộng **2.0** điểm;

- GPA đạt loại khá: cộng **1.5** điểm.

c) Mức cộng điểm đối với thí sinh thuộc Tiêu mục 2.4.1.3, như sau:

- Đạt từ 1200 đến dưới 1300 trong kỳ thi SAT: được cộng **0,5** điểm;

- Đạt từ 1300 đến dưới 1400 trong kỳ thi SAT: được cộng **1,0** điểm;

- Đạt từ 1400 đến dưới 1500 trong kỳ thi SAT: được cộng **1,5** điểm;

- Đạt từ 1500 đến 1600 trong kỳ thi SAT: được cộng **2,0** điểm.

2.4.1.5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển ([2025-PT4](#));

- 01 ảnh chân dung 4x6 (*chụp trong khoảng 06 tháng trước khi nộp hồ sơ*);

- Căn cước công dân (*đủ 2 mặt*);

- Học bạ (*đầy đủ các trang*);

- Chứng chỉ chứng chỉ ngoại ngữ IELTS từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm (*nếu có, đối với thí sinh thuộc đối tượng 2.4.1.2*).

- Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi (*đối với thí sinh thuộc đối tượng 2.4.1.1*):

+ Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;

+ Kỳ thi HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN;

+ Kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2.4.2. Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học.

Thực hiện theo Thông tư TT 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; Xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non đối với học sinh dự bị đại học.

Chỉ tiêu năm 2025: Trường Dự bị Trung ương: 10 chỉ tiêu (*trong đó: ngành Luật 05 chỉ tiêu, ngành Luật Kinh doanh 03 chỉ tiêu, ngành Luật Thương mại quốc tế 02 chỉ tiêu*). Trường Dự bị Sầm Sơn: 05 chỉ tiêu (*trong đó: ngành Luật 04 chỉ tiêu, ngành Luật Kinh doanh 01 chỉ tiêu*); Trường Dự bị Vùng cao Việt Bắc: 05 chỉ tiêu (*trong đó: ngành Luật 03 chỉ tiêu, ngành Luật Kinh doanh 02 chỉ tiêu*);

Điều kiện xét tuyển:

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Đáp ứng được yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành đăng ký dự tuyển (*năm 2024 ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành của Trường Đại học Luật là: 20 điểm, Trường Đại học Luật sẽ xét điểm theo tổ hợp cao nhất của thí sinh*);

- Thí sinh hoàn thành chương trình DBĐH;

- Kết quả học tập bậc THPT đạt từ loại Khá; Điểm trung bình chung môn Tiếng Anh ở bậc THPT (*trung bình 3 năm THPT*) đạt từ 7.0 hoặc điểm thi tốt nghiệp môn Tiếng Anh đạt từ 5.0 (*thang điểm 10*).

Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển theo Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2024 của thí sinh;
- Các trường dự bị gửi hồ sơ thí sinh đăng ký xét tuyển về Trường Đại học Luật, đúng số lượng chỉ tiêu đã được ấn định đã được phân bổ và đáp ứng các điều kiện xét tuyển quy định theo quy định trên đây.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Hồ sơ của học sinh do các trường dự bị đại học bàn giao cho Trường Đại học Luật, gồm:

- Hồ sơ nhập học dự bị đại học của học sinh và minh chứng đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2024;
- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hoàn thành dự bị đại học;
- Văn bản phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học vào cơ sở đào tạo.

IV. Thông tin liên hệ và tư vấn tuyển sinh

- Tên đơn vị: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Địa chỉ: Phòng 307B, Nhà E1, số 144, Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: 02437.549.714 (*liên hệ trong giờ hành chính*);
- Website: <http://law.vnu.edu.vn>;
- Email: tuvantuyensinhTruongluat@gmail.com;
- Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhTruongluat.vnu>.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
1	Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	0243. 7549714
2	Đỗ Thị Bích Nguyệt	P. Trưởng phòng ĐT&CTHSSV (Phụ trách công tác tuyển sinh và đào tạo đại học chính quy)	
3	Cần Thị Thanh Hương	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	
4	Bùi Thị Chinh Phương		
5	Văn Xuân Quỳnh Trang		

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- BP. Truyền thông (đưa lên website);
- Lưu: VT, ĐT&CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trịnh Tiến Việt

Phụ lục I.

PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục III.

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH SANG THANG ĐIỂM 10

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5.5	72-78	8,5
2	6.0	79-87	9,0
3	6.5	88-95	9,5
4	7.0-9.0	96-120	10

Phụ lục V.

QUY TRÌNH KHAI BÁO VÀ XÁC NHẬN THÔNG TIN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC, ƯU TIÊN ĐỐI TƯỢNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

1. Các văn bản quy định về khu vực ưu tiên

- Theo Quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020: "Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì được tiếp tục hỗ trợ đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đến hết năm; từ năm tiếp theo các xã này không còn trong danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TT ngày 25/01/2017". Các xã trên sẽ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực đến hết năm ban hành quyết định phê duyệt (trừ trường hợp được hưởng ưu tiên tại các văn bản khác).

- Đối với các đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thì chế độ ưu tiên khu vực được thực hiện như hướng dẫn tại Mục 2 Công văn số 389/UBND-TCSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

- Đối các xã an toàn khu:

+ Xã an toàn khu không vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì không được hưởng chế độ chính sách về ưu tiên khu vực;

+ Các xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 nhưng có quyết định ra khỏi diện đầu tư Chương trình 135 thì không được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt;

+ Các xã an toàn khu khi có quyết định vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các cơ sở giáo dục THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các cơ sở giáo dục THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, cơ sở giáo dục sẽ được gán một mã cơ sở giáo dục khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại cơ sở giáo dục THPT chọn và điền đúng mã cơ sở giáo dục theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 trường chuyển đến địa bàn Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vậy Trường này sẽ được gán 2 mã khác

nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Thí sinh khai báo trên Hệ thống thời gian thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc, và thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp (Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn do Bộ GDĐT quy định).

- Tải các minh chứng để được hưởng ưu tiên theo quy định tại Phụ lục IX lên Hệ thống.

- Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các CSĐT đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

- Các điểm tiếp nhận xác thực khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên cho thí sinh trên hệ thống.

- Các CSĐT tải các minh chứng về ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trên Hệ thống để kiểm tra, rà soát và lưu trữ theo quy định.

4. Xác định mức điểm ưu tiên

- Các quy định “điểm xét tốt nghiệp” trong quy chế được hiểu là một điều kiện (ngưỡng đảm bảo chất lượng) để thí sinh đăng ký tuyển sinh vào các CSĐT đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, CSĐT không được sử dụng để làm căn cứ xét tuyển trực tiếp (Quy chế thi tốt nghiệp THPT quy định “điểm xét tốt nghiệp” đã bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, mức ưu tiên không giống với mức ưu tiên trong Quy chế tuyển sinh). Để tránh việc thí sinh cộng điểm ưu tiên 2 lần, nếu CSĐT sử dụng “điểm xét tốt nghiệp” để xét tuyển, thì phải trừ đi điểm ưu tiên đã được cộng vào trong “điểm xét tốt nghiệp” sau đó mới cộng thêm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh để xét tuyển.

5. Quy trình khai báo và xác nhận thông tin để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng theo nơi thường trú

Để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú, thí sinh và điểm tiếp nhận cần đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp, điền thông tin tại *Mục 5: Nơi thường trú* như sau:

- Mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận và mã xã/phường chỉ đối với các xã/phường thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GDĐT quy định¹. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có nơi thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

¹ Trong Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn

(i) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: "*Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1*".

(ii) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: "*Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn*".

(iii) Thí sinh đáp ứng cả 2 điều kiện tại mục i) và ii) thì tích cả vào 2 ô.

- Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến nơi thường trú, phải khai thời gian có nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp (ví dụ: 28 tháng, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/05/2024).

Điểm tiếp nhận căn cứ thông tin khai thác dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) về thời gian thường trú của thí sinh và thông tin thí sinh khai báo tại mục 5 về nơi thường trú để thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác nhận về diện ưu tiên theo nơi thường trú cho thí sinh:

- Mã xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn;
- Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc/ và Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn;
- Thời gian, khoảng thời gian thí sinh thường trú trên 18 tháng (tối thiểu trên 18 tháng mới được xét).

Điểm tiếp nhận hồ sơ/Cơ sở giáo dục đại học có thể tra cứu thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) thông qua tiện ích được cung cấp trên Hệ thống Quản lý thi. Cụ thể như sau:

- Điểm tiếp nhận hồ sơ/cơ sở giáo dục đại học phân công kiểm tra, xác minh về diện khu vực ưu tiên của thí sinh (gọi tắt là người sử dụng) mở hồ sơ của thí sinh cần kiểm tra trên Hệ thống Quản lý thi. Việc khai thác xác thực dữ liệu từ CSDLQGvDC tương đương với việc kiểm tra trực tiếp văn bản xác nhận bằng giấy như các năm trước.

- Điểm tiếp nhận cần xác nhận kết quả kiểm tra cho thí sinh sau khi đã tra cứu, đối chiếu thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC (thể hiện dưới dạng Phiếu khai thác thông tin về cư trú). Hệ thống cho phép người sử dụng có thể tải phiếu về lưu dưới dạng file PDF và in phiếu để lưu hồ sơ.

- Trường hợp phát hiện có sai sót về thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC hoặc thông tin cung cấp chưa đủ để xác nhận, Điểm tiếp nhận liên hệ công an địa phương để được hỗ trợ giải quyết.

- Người dùng thuộc cơ sở giáo dục đại học, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh, đồng thời được quyền tra cứu thông tin công dân từ CSDLQGvDC để kiểm tra lại.

5. Quy trình khai báo và xác nhận thông tin để thí sinh được hưởng ưu tiên theo đối tượng

i) Với đối tượng 01, thí sinh và điểm tiếp nhận cần thực hiện các bước như mục II.1 đồng thời:

- Thí sinh phải tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục IX: "Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

ii) Với các đối tượng từ 02-07

- Thí sinh tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục IX: "Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

- Người dùng thuộc cơ sở giáo dục đại học, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh.

Phụ lục VI.**CÁC MINH CHỨNG ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC, ƯU TIÊN ĐỐI TƯỢNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG¹**

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống => Hệ thống tự tính
I.2	Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. (Điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hiện hành).	- Khai báo thời gian trên Hệ thống và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.	- Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền, và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp

¹ Các minh chứng khác nếu đúng với quy định của pháp luật

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
		THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II.2	Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	- Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc, và - Bằng khen hoặc Quyết định công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
II.3	Đối tượng 03: a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh. b), c) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. d) Quyết định xuất ngũ.
II.4	Đối tượng 04: a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có). b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.
II.5	Đối tượng 05: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng,	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.
II.6	Đối tượng 06: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
II.7	Đối tượng 07: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành;	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo). c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. d) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.

Phụ lục VII.
ĐIỂM/ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN 2 NĂM GẦN NHẤT (2024 và 2023).

11.1. Điểm/ Điều kiện trúng tuyển đối với các Phương thức năm 2024

11.1.1 Kết quả tuyển sinh Phương thức 1 (Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và năm 2024):

TT	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024			
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Ghi chú
1.	Luật	100	381	523		221	471		
1.1.	Tổ hợp 1: C00		72	41	27.5	82	59	28.36	Xét tuyển theo điểm tổ hợp
1.2.	Tổ hợp 2: A01		40	52	24.35	50	35	24.50	
1.3.	Tổ hợp 3: D01		47	183	25.1	60	327	25.40	
1.4.	Tổ hợp 4: D03		02	01	24.6	02	0	25.00	
1.5.	Tổ hợp 5: D78		17	158	25.1	25	49	26.52	
1.6.	Tổ hợp 6: D82		02	03	24.28	02	01	25.00	
2.	Luật CLC	100	241	128	25.1	101	43		
	Tổ hợp 1: A01					25	18	24.50	Xét tuyển theo điểm tổ hợp
	Tổ hợp 2: D01					50	18	25.40	
	Tổ hợp 3: D78					26	07	26.52	
3.	Luật Kinh doanh	100	222	238	25.29	217	326	25.80	Xét tuyển theo ngành
4.	Luật Thương mại quốc tế	100	101	109	25.7	48	56	26.50	

11.1.2. Điểm, điều kiện trúng tuyển của các phương thức khác **năm 2024**

Phương thức 2: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)

STT	Ngành (Mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 2 (điều kiện trúng tuyển)
1	Luật (7380101)	04	01	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia một trong các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp; thời gian đạt giải
2	Luật thương mại quốc tế (7380109)	02	0	

STT	Ngành (Mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 2 (điều kiện trúng tuyển)
3	Luật kinh doanh (7380110)	02	0	không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT năm 2024.
4	Luật chất lượng cao (7380101CLC)	02	0	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia một trong các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT năm 2024 và kết quả học tập từng kỳ (06 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án.

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Cơ chế đặc thù của ĐHQGHN và Đề án của Trường Đại học Luật

STT	Ngành (mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 3 (điều kiện trúng tuyển)
1	Luật (7380101)	25	12	- Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: + Đoạt Huy chương Vàng trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; + Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
4	Luật thương mại quốc tế (7380109)	02	04	- Học sinh các trường THPT trên toàn quốc có lực học Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: + Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; + Đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên; * <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT * <i>Các môn đoạt giải bao gồm:</i> Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp. * <i>Thời gian đoạt giải:</i> không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
5	Luật kinh doanh (7380110)	02	01	

STT	Ngành (mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 3 (điều kiện trúng tuyển)
	Luật chất lượng cao (7380101CLC)			- Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: + Đoạt Huy chương Vàng trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; + Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; - Học sinh các trường THPT trên toàn quốc có lực học Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: + Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; + Đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên; * <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT và kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án. * <i>Các môn đoạt giải bao gồm:</i> Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh. * <i>Thời gian đạt giải:</i> không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

Phương thức 4, 5 và 8 (điểm xét tuyển đã được quy đổi sang thang 30):

* Phương thức 4: Kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức

- Chỉ tiêu/ nhập học: Ngành Luật: 140/**58**; Ngành Luật Chất lượng cao: 60/**03**; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 35/**27**; Ngành Luật Kinh doanh: 110/**51**.

* Phương thức 5: Sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (SAT);

- Chỉ tiêu/ Nhập học: Ngành Luật: 03/**01**; Ngành Luật Chất lượng cao: 03/**02**; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 03/**02**; Ngành Luật Kinh doanh: 03/**01**.

* Phương thức 8: Kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức.

- Chỉ tiêu/ Nhập học: Ngành Luật: 03/**0**; Ngành Luật Chất lượng cao: 02/**0**; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 02/**01**; Ngành Luật Kinh doanh: 02/**01**.

* Điểm trúng tuyển:

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
			Phương thức 4	Phương thức 5	Phương thức 8
1.	Luật	7380101	18.0	SAT: 21.38	19.70
	<i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT				

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
			Phương thức 4	Phương thức 5	Phương thức 8
2.	Luật chất lượng cao	7380101CLC	18.0	SAT: 21.75	19.70
	<i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT và kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án.				
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	18.0	SAT: 21.75	19.70
	<i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT				
4.	Luật kinh doanh	7380110	18.0	SAT: 22.63	19.70
	<i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT				

Phương thức 6. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (IELTS) (*Điểm xét tuyển đã được quy đổi sang thang 30*):

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Luật	7380101	35	30	25.80
2.	Luật chất lượng cao	7380101CLC	35	05	25.80
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	15	15	25.80
4.	Luật kinh doanh	7380110	25	07	25.80

Phương thức 7. Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu	Nhập học	Ghi chú
1.	Luật	7380101	28	10	Xét hồ sơ
2.	Luật chất lượng cao	7380101CLC	0	0	
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	01	0	
4.	Luật kinh doanh	7380110	03	02	

11.1.3. Điểm/ Điều kiện trúng tuyển đối với các Phương thức 2, 3, 4, 5, 6, 7 năm 2023
Phương thức 2: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)

STT	Ngành (Mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 2 (điều kiện trúng tuyển)
1	Luật (7380101)	11	0	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp (<i>môn thi đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo quy định tại đề án</i>); thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT.
2	Luật chất lượng cao (7380101CLC)	07	0	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh (<i>môn thi đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo quy định tại đề án</i>); thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. <i>Điều kiện:</i> Đã tốt nghiệp THPT và kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 5.0 điểm (<i>theo thang điểm 10</i>) hoặc kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án.
4	Luật thương mại quốc tế (7380109)	03	0	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, tiếng Anh, tiếng Pháp (<i>môn đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo quy định tại đề án</i>); thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT
5	Luật kinh doanh (7380110)	07	0	

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Cơ chế đặc thù của ĐHQGHN và Đề án của Trường Đại học Luật

STT	Ngành (mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 3 (điều kiện trúng tuyển)
1	Luật (7380101)	20	13	- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương (<i>môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển theo quy định tại đề án</i>) và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên. <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT

STT	Ngành (mã ngành)	Chỉ tiêu	Nhập học	Phương thức 3 (điều kiện trúng tuyển)
2	Luật chất lượng cao (7380101CLC)	07	03	- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên. <i>Điều kiện:</i> Đã tốt nghiệp THPT và kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 5.0 điểm (theo thang điểm 10) hoặc kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án.
4	Luật thương mại quốc tế (7380109)	03	04	- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên. - Giải Nhì cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên; <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT
5	Luật kinh doanh (7380110)	08	04	- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN; - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên. - Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt 93 điểm (chứng chỉ ĐGNL phải còn hạn sử dụng tính đến ngày thi sinh ĐKXT, thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi). <i>Điều kiện:</i> Tốt nghiệp THPT

Phương thức 4, 5 và 8 (chỉ tiêu, nhập học, điểm xét tuyển đã được quy đổi sang thang 30):

* Phương thức 4: Kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức
 - Chỉ tiêu/ Nhập học: Ngành Luật: 114/**30**; Ngành Luật Chất lượng cao: 72/**14**; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 30/**14**; Ngành Luật Kinh doanh: 66/**16**.

* Phương thức 5: Sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (SAT);
 - Chỉ tiêu/ Nhập học: Ngành Luật: 07/**01**; Ngành Luật Chất lượng cao: 07/0; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 03/**01**; Ngành Luật Kinh doanh: 06/**01**.

* Phương thức 8: Kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức.
 - Chỉ tiêu/ Nhập học: Ngành Luật: 07/**02**; Ngành Luật Chất lượng cao: 05/0; Ngành Luật Thương mại quốc tế: 03/0; Ngành Luật Kinh doanh: 07/**02**.

* Điểm trúng tuyển:

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
			Phương thức 4	Phương thức 5	Phương thức 8
1.	Luật	7380101	17.8	SAT: 21.0	19.43
	<i>Điều kiện</i> : Tốt nghiệp THPT				
2.	Luật chất lượng cao	7380101CLC	17.8	SAT: 22.69 ACT: 20.0	21.73
	<i>Điều kiện</i> : Kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 5.0 điểm (<i>theo thang điểm 10</i>)/ kết quả học tập từng kỳ (<i>06 học kỳ</i>) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm hoặc sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định của Đề án. Tốt nghiệp THPT.				
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	18.0	SAT: 22.81	19.78
	<i>Điều kiện</i> : Tốt nghiệp THPT				
4.	Luật kinh doanh	7380110	18.0	SAT: 21.56	19.98
	<i>Điều kiện</i> : Tốt nghiệp THPT				

Phương thức 6. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (IELTS)
(điểm xét tuyển đã được quy đổi sang thang 30):

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Luật	7380101	30	27	23.8
2.	Luật chất lượng cao	7380101CLC	35	14	23.8
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	10	14	23.8
4.	Luật kinh doanh	7380110	22	16	23.8

Phương thức 7. Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

TT	Ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu	Nhập học	Ghi chú
1.	Luật	7380101	12	12	Xét hồ sơ

ĐĂNG KÝ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

(Dành cho thí sinh xét tuyển theo **Phương thức 1: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT)** để xét tuyển)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới** ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi):

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT:

7. Kết quả chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT

Chứng chỉ: IELTS

☐

TOEFL iBT

☐

Điểm thi:

Ngày thi:

8. Lệ phí: 30.000 đồng/hồ sơ.

9. Địa chỉ báo tin:

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng quy định hiện hành về tuyển sinh trình độ đại học năm 2025 của Bộ GDĐT, của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

(ký và ghi đầy đủ họ tên)